TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2023

V/v Ly hôn, nuôi con chung với người bị tuyên bố mất tích

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Nhận

2. Bà Lê Thị Yên

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 292/2022/TLST - HNGĐ ngày 24/10/2022 về việc Ly hôn với người bị tuyên bố mất tích theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 13/12/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987, (*vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982, (*vắng mặt)*

Nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Thôn L, xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. *Vắng mặt*

Trưởng thôn L, xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. *Vắng mặt*

Chi hội phụ nữ thôn L, xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T1 tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 08/11/2018. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 chơi bời, không quan tâm đến gia đình. Mặc dù chị và gia đình đã động viên, khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T1 không nghe nên đã tự ý bỏ nhà đi đến nay vẫn chưa trở về địa phương, không ai trong gia đình liên lạc được cũng như không có tin tức gì của anh T1. Chị T đã có nhiều biện pháp tìm kiếm anh T1 nhưng không có kết quả, chị đã có đơn yêu cầu Toà án tuyên bố anh T1 mất tích theo quy định của pháp luật. Tháng 8/2022 Toà án đã ra quyết định tuyên bố anh T1 mất tích, từ đó đến nay anh T1 vẫn chưa trở về cũng không có tin tức gì về việc anh T1 còn sống hay đã chết. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Phúc Minh Đ, sinh ngày 27/9/2019, chị T xin được nuôi con, tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng vì chị làm kế toán, có công việc, thu nhập ổn định.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh T1 đã bị Toà án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 02/2022/QĐDS – DS ngày 05/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, Toà án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng cho anh T1 tại gia đình anh T1, trụ sở UBND xã S và trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà nhưng hiện nay anh T1 vẫn chưa trở về địa phương và không có tin tức gì do đó không có bản tự khai hoặc biên bản ghi lời khai thể hiện quan điểm của anh T1.

*Người làm chứng bà Đỗ Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh T1, chị T là con dâu bà. Vợ chồng anh chị T1 T tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã S ngày 08/11/2018. Sau ngày cưới vợ chồng thuê nhà sinh sống tại Hải Phòng. Quá trình chung sống do anh T1 mải chơi, nợ nần dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, anh T1 bỏ đi làm ăn ở đâu bà không biết, không có số điện thoại, địa chỉ liên lạc. Tháng 3 năm 2022, chị T đã làm đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Thanh Hà tuyên bố anh T1 mất tích, tuy anh T1 có về nhà nhưng không làm đơn yêu cầu hủy bỏ quyết định tuyên bố mất tích và hiện nay anh T1 lại bỏ đi đâu làm gì bà không biết địa chỉ, điện thoại của anh T1. Vợ chồng anh chị T1 T có 01 con chung là Nguyễn Phúc Minh Đ, sinh ngày 27/9/2019 hiện đang sống cùng chị T, bà đề nghị giải quyết về con chung theo quy định của

pháp luật. Về tài sản, nợ chung, công sức: Anh chị T T1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Xác minh tại địa phương Trưởng thôn và Chi hội phụ nữ thôn L trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung giữa chị T anh T1 như chị T trình bày là đúng. Địa phương có nghe dư luận, anh T1 mải chơi dẫn đến nợ nần và đã bỏ đi đâu, làm gì địa phương không nắm được. Hiện nay anh T1 vẫn vắng mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn T1. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Phúc Minh Đ, sinh ngày 27/9/2019 cho chị T nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đã được Toà án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 mải chơi, nợ nần nên đã bỏ nhà đi, chị T đã đăng tin tìm kiếm nhưng anh T1 chưa trở về nên chị đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà tuyên bố anh T1 mất tích. Tháng 8/2022, Toà án nhân dân huyện Thanh Hà đã quyết định tuyên bố anh T1 mất tích. Kể từ khi Tòa án tuyên bố anh T1 mất tích đến nay. Chị T và gia đình cũng không có tin tức xác thực địa chỉ hoặc số điện thoại của anh T1. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt

được. Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phúc Minh Đ, sinh ngày 27/9/2019. Chị T có nguyện vọng nuôi con, tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy chị T đã giao nộp được chứng cứ chứng minh chị có công việc và thu nhập ổn định, việc xin nuôi con đảm bảo mọi quyền lợi cho con. Do anh T1 đã bị tuyên bố mất tích nên cần giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Anh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Do anh T1 đã bị tuyên bố mất tích nên không có văn bản trình bày quan điểm. Chị T tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không giải quyết.

Nếu anh T1 trở về, có tranh chấp về con chung; tài sản; nợ chung; công sức. Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5]. Về án phí: Chị T có đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227, 228, 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn T1

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Phúc Minh Đ, sinh ngày 27/9/2019 kể từ tháng 01/2023 đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị T. Anh Nguyễn Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000^{đ} án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000^{đ} theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000599 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. (*chị T đã thi hành xong án phí*)

- Nếu anh T1 trở về, có tranh chấp về con chung; tài sản; nợ chung; công sức. Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hoài